TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2017
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Như Học.

2. Ông Võ Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị Cẩm V, sinh năm 1974 (có mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Lâm Nghị C, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 4 năm 2017 và bản khai, nguyên đơn bà Ngô Thị Cẩm V trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà và ông Lâm Nghị C có tìm hiểu khoảng 01 năm và kết hôn vào năm 1993 trên tinh thần tự nguyện có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Nhưng do cơn bão số 05 vào năm 1997 đã mất Giấy đăng ký kết hôn nên không có nộp cho Tòa án.

Lý do xin ly hôn: Vợ chồng bà chung sống nhưng không có hạnh phúc vì bất đồng quan điểm dẫn đến bất hòa và đồng thời ông C không chung thủy có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Thời gian qua, các con còn nhỏ và bà V cũng muốn có thời gian vợ chồng suy nghĩ lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng thực tế không đạt kết quả vì cả hai không còn tình thương, phía ông C cũng không phản đối khi bà V xin ly hôn. Bà V cũng có gửi đơn ly hôn đến Tòa án một lần, nhưng do các con và gia đình động viên nên bà rút lại đơn. Nay bà V yêu cầu xin hôn với ông C vì mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cũng không mang lại hạnh phúc gia đình.

- Về nuôi con chung: Có hai người con Lâm Gia H, sinh năm 1994 và Lâm Gia Đ, sinh năm 1996. Hiện hai cháu đã trưởng thành, bà V không yêu cầu giải quyết về con chung cũng như cấp dưỡng.

- Về tài sản và công nợ: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Lâm Nghị C: Tòa án đã tống đạt hợp hệ Thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Ông C không có bất kỳ văn bản nào gửi Tòa án và cũng không đến Tòa án.

Tại phiên tòa, bà V giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông C, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Lâm Nghị C, ông C vắng mặt không lý do. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn Lâm Nghị C.

- Về nội dung:

1. Về hôn nhân: Theo như lời trình bày của bà Ngô Thị Cẩm V vào năm 1993, bà và ông Lâm Nghị C có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Do cơn bão số 05 vào năm 1997 nên đã bị mất Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Đối với Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn,

ngày 25/5/2015, bà V có "Đơn xin xác nhận" về việc bà và ông C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N vào năm 1993. Ủy ban thị trấn N xác nhận nội dung: Căn cứ đơn xin xác nhận của Ngô Thị Cẩm V. Qua sao lục tàng thư, sổ bộ đăng ký kết hôn năm 1993 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn N không còn. Như vậy, không có căn cứ pháp lý để xác nhận bà Ngô Thị Cẩm V và ông Lâm Nghị C có lập thủ thục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N huyện N, tỉnh Cà Mau. Do đó, hôn nhân giữa bà V với ông C được xác định là không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà V: Theo như bà V trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp và đồng thời ông C có người phụ nữ khác, nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2008 đến nay, thời gian qua cũng không giải quyết được mâu thuẫn. Về phía ông C, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông C vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản gửi Tòa án để thể hiện ý kiến của mình, qua đó chứng tỏ ông C không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Bà V xác định không còn tình cảm vợ chồng, nếu duy trì cũng không có kết quả và cũng không mang lại hạnh phúc gia đình. Do quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông C không có căn cứ pháp lý để xác nhận có đăng ký kết hôn tại theo quy định pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Cẩm V và ông Lâm Nghị C không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự: "Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó", do đương sự không đặt ra yêu cầu về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản và công nợ nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà V phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ : - Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt đối với ông Lâm Nghị C.

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị Cẩm V và ông Lâm Nghị C.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng; về chia tài sản chung, công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí: Bà Ngô Thị Cẩm V phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015382 ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiền

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia TT;
- Lưu HS; Lưu VP.